*Ngày soạn: 25/3/2025*

*Lớp giảng dạy: 6B, 6C*

**Bài 9. TRÁI ĐẤT – NGÔI NHÀ CHUNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Tri thức Ngữ văn: Khái niệm văn bản, đoạn văn trong văn bản, các yếu tố và cách triển khai của văn bản thông tin, văn bản đa phương thức.từ mượn và hiện tượng vay mượn từ.

- Giúp học sinh hiểu biết về văn bản thông tin và cách truyền đạt thông tin, thông qua những văn bản cụ thề nói về sự sống trên Trái Đất, về trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ Trái Đất - ngôi nhà chung.

**2. Về năng lực:**

- Nhận biết được đặc điểm chức năng của văn bản và đoạn văn; biết cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn văn trong văn bản thông tin trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.

- Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; chỉ ra được các mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản;

- Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dung cho phù hợp.

- Viết được biên bản đúng qui cách, tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã học.

**3. Về phẩm chất:**

- Trách nhiệm: tự nhận thức được trách nhiệm của mình khi là thành viên của ngôi nhà chúng - Trái đất.

- Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng sự sống của muôn loài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 115: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

**b. Nội dung:**

GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

HS quan sát, lắng nghe video bài hát “Ngôi nhà chung của chúng ta” suy nghĩ cá nhân và trả lời.

**c. Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

- Nội dung của video bài hát: Ngôi nhà chung của chúng ta.

- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).

- Tri thức ngữ văn: Văn bản, đoạn văn trong văn bản, các yếu tố và cách triển khai của văn bản thông tin, văn bản đa phương thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**A. Đọc tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS nắm được các khái niệm về văn bản, đoạn văn trong văn bản, VB thông tin, VB đa phương tiện

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV: yêu cầu học sinh đọc phần tri thức ngữ văn bài 9.  GV: Tổ chức HS theo 4 nhóm  *Nhóm 1: Nêu khái niệm về văn bản thông tin và khái niệm về đoạn văn trong văn bản?*  *Nhóm 2: Hãy chỉ ra các yếu tố cấu thành và cách triển khai văn bản thông tin? Các văn bản truyện hay thơ mà em đã học ở các bài học trước có phải là văn bản thông tin không?*  *Nhóm 3: Văn bản đa phương thức là loại văn bản như thế nào? Hãy lấy ví dụ về văn bản đa phương thức mà em đã từng đọc?*  *Nhóm 4: Thế nào là từ mượn và hiện tượng vay mượn từ?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS đọc *phần tri thức ngữ văn*  - HS thảo luận theo nhóm  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm báo cáo nội dung đã thảo luận  **B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập:**  GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các nhóm  GV: chốt vấn đề | **1. Văn bản thông tin:**  - Là một đơn vị giao tiếp có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Dùng để trao đổi thông tin trình bầy suy nghĩ, cảm xúc…  **2. Đoạn văn trong văn bản:**  - Đoạn văn là bộ phận quan trọng của văn bản,  có sự hoàn chỉnh tương đổi vẻ ý nghĩa và hình thức,  **3. Các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin**  - Một văn bản thông tin thường có các yêu tổ như: nhan để (một số văn bản có sa-pô dưới nhan đề), đề mục (tên gọi của các phân). đoạn văn, tranh ảnh,...  - Mỗi văn bản thông tin có một cách triển khai riêng như thời gian hoặc nhân quả  **4. Văn bản đa phương thức**  - Văn bản đa phương thức là loại văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như ki hiệu. sơ đổ. biểu đồ, hinh ảnh.. |

**TIẾT 116+117**

**VĂN BẢN 1. TRÁT ĐẤT – CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG**

***(Lạc Thanh)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- HS nhận biết được các thành phẩn của VB thông tin gồm: nhan đề, sa-pô, để mục, đoạn (chứa đựng ý và dữ liệu), tranh ảnh,...

- HS nhận biết và phân tích được một cách triển khai VB: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo quan hệ nhân quả.

- HS thấy được những nhân tố đe doạ môi trường sống trên Trái Đất.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh nhận thấy được vai trò của Trái Đất với con người và có ý thức, trách nhiệm bảo vệ ngôi nhà chung của TĐ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu cả lớp lắng nghe bài hát: ***Ngôi nhà chung của chúng ta***  1. *Bài hát gợi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì? Theo em, để hiểu biết và yêu quý hơn hành tinh xanh này?*  *2. Em hiểu thế nào về “sự sống muôn màu”*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *+ GV dẫn dắt vào bài* | - HS lắng nghe bài hát  - Nêu cảm nhận về bài hát |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Văn bản* ***Trái Đất – cái nôi của sự sống*** thuộc thể loại văn bản nào? Tại sao em cho rằng như vậy?  + *Liệt kê những thông tin chủ yếu từ văn bản*  + Nêu bố cục của văn bản?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Thể loại:*** Văn bản thông tin  ***2. Đọc, tìm hiểu chú thích***  **3. Bố cục: 5** phần  - Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời  - Vai trò của nước với sự sống trên Trái Đất  - Sự sống phong phú trên Trái Đất.  - Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Phần sa-pô đã giới thiệu đến người đọc những nội dung nào?*  *+ Trong đoạn đầu tin, tác giả đã đề cập đến những thông tin nào về Trái Đất?*  *+ Em có nhận xét gì về những thông tin tác giả cung cấp?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Phần sa-pô: góp phần định hướng nội dung cho người đọc về vai trò của Trái đất với sự sống của muôn loài và nhận thức của con người về việc bảo vệ Trái đất.  Tác giả cung cấp cho người đọc các thông tin về Trái Đất  - Vị trí: TĐ là một trong 8 hành tinh của hệ Mặt Trời  - Có 2 chuyển động: quay quanh trục và quanh mặt trời.  - Quỹ đạo chuyển động: hình e-lip  🡪 thông tin ngắn gọn, số liệu chính xác  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Trong phần 2, tác giả đã nói như thế nào về nước trên Trái Đất? Theo em, xem nước như “vị thần hộ mệnh” của sự sống có hợp lí không?*  *+ Giữa đoạn nói về nước với nhan đề của văn bản có mối liên hệ như thế nào? Liệu đoạn nói về nước có chi phối nội dung của đoạn văn tiếp sau đó không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Tác giả đã nói đến vai trò của nước – khiến cho cho TĐ trở thành nơi duy nhất có sự sống trong hệ Mặt Trời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi :**  *+ Sự sống trên TĐ phong phú như thế nào?*  *+ Bức tranh minh hoạ làm sáng tỏ thông tin gì trong văn bản?*  - GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm về câu hỏi:*Hãy tìm thêm bằng chứng để chứng minh sự kì diệu của sự sống trên TĐ*  - GV gợi ý HS tìm thêm dẫn chứng theo các hướng: *động vật – thực vật, loài sống trên cạn – loài sống trên không – loài sống dưới nước; màu sắc – hình dáng – khả năng thích nghi – trí thông minh.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **-** GV bổ sung: Như vậy, Trái Đất chính là ngôi nhà diệu kì, trở thành nơi trú ngụ của vô số các loài sinh vật sống.  **NV4**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS:  *+ Khi khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống, tác giả đã xuất phát từ góc nhìn nào?*  *+ Theo em, điều gì tồn tại ở con người khiến con người được xem là đỉnh cao kì diệu? Hãy nhắc lại những câu chuyện mà trong đó có kể về cách Thương đế hay Chúa trời tạo ra con người?*  *- GV gợi câu hỏi, HS tranh luận theo nhóm: Em có đồng tình với ý kiến con người là “đỉnh cao kì diệu” của tác giả không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV5**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS:  *+ Mục 5 “Tình trạng Trái Đất hiện ra sao?” thể hiện nội dung gì?*  *+ Tìm những chi tiết phản ánh hiện trạng của TĐ hiện nay?*  *+ Câu “TĐ có thể chịu đựng đến bao giờ?” mang sắc thái biểu cảm gì?Câu này xuất hiện có bất ngờ không? Vì sao?*  *+ Em có chia sẻ với nội dung tình cảm hàm chứa trong câu hỏi này không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV6**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  **+** *Văn bản có ý nghĩa gì?**Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời***  - Vị trí: TĐ là một trong 8 hành tinh của hệ Mặt Trời  - Có 2 chuyển động: quay quanh trục và quanh mặt trời.  - Quỹ đạo chuyển động: hình e-lip  - Nhận xét: các thông tin khoa học chính xác, ngắn gọn, rõ ràng, số liệu xác thực 🡪 giúp người đọc có cái nhìn khái quát nhất về TĐ.  ***2. Vai trò của nước với sự sống trên Trái Đất***  - Vai trò:  + Nhờ có nước mà TĐ là nơi duy nhất có sự sống.  + Nếu không có nước, TĐ chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi  - Nước bao phủ gần khắp bề mặt trái đất.  🡪 Nước chính là “vị thần hộ mệnh” của sự sống.  - Đoạn văn đóng vai trò bản lề trong văn bản.  ***3. Sự sống phong phú trên Trái Đất.***  - Sự sống trải rộng từ trên khắp trái đất và trong khoảng thời gian dài.  ***4. Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ***  - Con người: có bộ não và hệ thần kinh phát triển, có ý thức, tình cảm, có ngôn ngữ, biết tổ chức cuộc sống, biết lao động cải tạo TĐ.  🡪 đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ.  ***5. Hiện trạng của TĐ***  - Tình trạng TĐ hiện nay rất đáng lo ngại: thiên nhiên bị tàn phá, nhiều loài thú bị giết vô tội, đại dương bị khai thác quá mức, biến đổi khí hậu, lỗ thủng tầng odôn….  🡪 Con người sẽ phải chịu hậu quả từ thiên nhiên.  - Học cách có mặt trên hành tinh, trước hết co người phải biết chia sẻ những lo lắng, buồn vui cùng TĐ.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  \* *Nội dung*: Văn bản đề cập đến đến vai trò của Trái Đất với sự sự sống của muôn loài và cảnh báo về hiện trạng của TĐ hiện nay. Qua đó nhắc nhở con người về ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường.  **b. Nghệ thuật**  - VB đã sử dụng hiệu quả các yếu tố của VB thông tin : nhan đề, sa-pô, số liệu, hình ảnh để truyền tải được nội dung, ý nghĩa đến người đọc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*  Từ việc đọc văn bản, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc một văn bản thông tin ?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Em hãy viết đoạn văn (5-7 câu) với chủ đề: ***Để hành tinh xanh mãi xanh...***

GV có thể đưa ra những gợi ý qua những câu hỏi: Tại sao TĐ được gọi là hành tinh xanh? Từ “xanh” vốn chỉ màu đã được chuyển nghĩa như thế nào trong trường hợp ày? Có thể diễn đạt lại yêu cầu viết như sau: Làm thế nào để TĐ luôn đẹp tươi và sự sống không ngừng tiếp diễn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. GV đọc nhanh kết quả bài viết của mọt vài HS, nêu nhận xét ngắn gọn và định hướng cách chữa cho tất cả HS.*

**TIẾT 118**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của văn bản và đoạn văn.

- HS thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá…) khi đối diện với đoạn văn hay văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong VB và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: *Từ đầu chương trình lớp 6, chúng ta đã được học nhiều văn bản. Hãy kể tên những văn bản mà em đã học? Trong các văn bản ấy, em thấy ngoài yếu tố ngôn ngữ còn có yếu tố nào khác không?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *Gv dẫn dắt:* Những vă bản chúng ta đã học từ đầu chương trình lớp 6 đến nay có cả văn bản truyện, thơ, kí…. Vậy Văn bản được phân loại như thế nào? Đặc điểm của văn bản và vai trò của các đoạn văn trong văn bản ra sao? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu. | HS huy động kiến thức đã có và kể tên, nêu hiểu biết của mình về văn bản. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, các chức năng của văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS theo dõi SHS, nhắc lại khái niệm văn bản.  - GV đặt tiếp câu hỏi: *Qua văn bản* ***Trái Đất – cái nôi của sự sống****, em hãy nêu những bằng chứng cụ thể để khẳng định nó là một văn bản?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Văn bản**  - VB là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc..  **Bài 1/ trang 81**  Các bằng chứng cụ thể để khẳng định Trái Đất – cái nôi của sự sống là một văn bản:  - Là một văn bản tồn tại ở dạng viết.  - VB dùng để trao đổi thông tin: Tác giả đã nêu ra 5 đề mục có các thông tin tới người đọc như vị trí của TĐ trong hệ MT, vai trò của nước, sự sống của sinh vật trên TĐ và hiện trạng TĐ.  - Qua văn bản, tác giả trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình: suy nghĩ về trách nhiệm của loài người trước hiện trạng của TĐ hiện nay. |
| **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Căn cứ vào những yếu tố nào để phân loại văn bản? Có những loại văn bản nào*  *+ VB* ***Trái Đất – cái nôi của sự sống*** *thuộc thể loại văn bản nào? Liệt kê những bộ phận cấu tạo của VB?*  *+ Theo em những yếu tố nào không thể thiếu trong mọi trường hợp tạo lập văn bản?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  *\** Phân loại:  - Dựa vào sự có mặt của các phương tiện phi ngôn ngữ: văn bản thông thường, văn bản đa phương thức  - Dựa vào những nhu cầu giao tiếp đa dạng dẫn đến việc hình thành nhiều loại văn bản khác nhau: văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học.  - Căn cứ vào chức năng chính của văn bản để xác định được loại văn bản đó.  \* Liệt kê các bộ phận cấu tạo của văn bản:  - Nhan đề  - Sa-pô  - Đề mục  - Các đoạn văn  - Tranh minh hoạ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | Phân loại:  - Dựa vào sự có mặt của các phương tiện phi ngôn ngữ: văn bản thông thường, văn bản đa phương thức  - Dựa vào những nhu cầu giao tiếp đa dạng dẫn đến việc hình thành nhiều loại văn bản khác nhau: văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học.  - Căn cứ vào chức năng chính của văn bản để xác định được loại văn bản đó.  **Bài 2/Trang 81**  VB ***Trái Đất – cái nôi của sự sống*** thuộc loại văn bản thông tin, chức năng chính là cung cấp thông tin tới người đọc. các bộ phận cấu tạo của văn bản:  - Nhan đề  - Sa-pô  - Đề mục  - Các đoạn văn  - Tranh minh hoạ |
| **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  Nhắc lại những thông tin, thông điệp mà em tiếp nhận được từ văn bản Trái đất - cái nôi của sự sống:  HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: ***VB Trái Đất – cái nôi của sự sống*** là một văn bản hoàn chỉnh do chứa đụng thông điệp rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính. | - Các thông tin trong văn bản phải tập trung vào một chủ đề, chứa thông điệp và có ý nghĩa.  **Bài 3/Trang 81**  VB Trái Đất – cái nôi của sự sống là một văn bản hoàn chỉnh do chứa đụng thông điệp rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính.  - Thông tin từ văn bản:   * Trái đất hành tinh duy nhất trong hệ Mặt trời có sự sống. * Nước là tài nguyên bao phủ 2/3 bề mặt Trái đất. Nhờ có nước sự sống trên Trái đất được duy trì, phát triển phong phú. * Trái đất là nơi cư trụ của muôn loài động vật từ bậc thấp đến bậc cao. * Con người trên Trái đất khai thác tài nguyên thiên nhiên một các bừa bãi * Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương nghiêm trọng   - Thông điệp từ văn bản: Con người cần có những suy nghĩ nghiêm túc và hành động tích cực để bảo vệ hành tinh xanh. Đó là vấn đề cấp thiết và cấp bách. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 4**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4 và làm vào vở.  - GV hướng dẫn HS: kẻ bảng và thống kê  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 4/ trang 82** |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thứ tự đoạn văn trong văn bản** | **Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn** | **Ý chính của đoạn văn** | **Chức năng của đoạn văn trong văn bản** | | Đoạn 3 (Trái đất - nơi cư ngụ của muôn loài ) | Điểm mở đầu: Muôn loài tồn tại trên Trái đất; Điểm kết thúc: Tất cả sự sống trên Trái đất đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học bí ẩn, lạ lùng) | Sự sống trên Trái Đất thật phong phú, muôn màu | Làm rõ nét thêm nội dung của văn bản: Trái đất là cái nôi của sự sống đối với muôn loài | | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Giả sử VB vừa học cần được bổ sung thêm một số đoạn văn nữa. Hãy viết một đoạn văn ngắn đáp ứng yêu cầu này và dự kiến vị trí mà nó nó được đặt trong văn bản?

*Gv hướng dẫn:* Có thể bổ sung thêm đoạn văn ***Những việc nhân loại cần làm*** để bàn về những biện pháp con người có thể làm để bảo vệ và giữ gìn hành tinh xanh. Yêu cầu HS hãy triển khai đoạn văn với đề mục như trên

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 119+120**

**VĂN BẢN 2. CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?**

***(Giong-mi Mun)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Hs nhận biết vai trò quan trọng của số liệu và hình ảnh của một văn bản thông tin.

- HS nhận biết được mối quan hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Các loài cùng chung sống với như thế nào?*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Các loài cùng chung sống với như thế nào?*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: thật thà, lương thiện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt cho HS câu hỏi:  1. Em biết những chương trình nào trên các phương tiện truyền thông, in-tơ-nét cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất? Em suy nghĩ gì về việc chúng ta phải thường xuyên tìm hiểu các tài liệu nói về sự đa dạng của thế giới tự nhiên? Em yêu thích chương trình nà nhất?  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV dẫn dắt vào bài | - HS kể ngắn gọn những chương trình đã xem, ví dụ như: khám phá động vật, thế giới quanh em… và nêu suy nghĩ về chương trình mà HS yêu thích. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Văn bản* ***Hai loại khác biệt*** *thuộc thể loại nào?*  *+ Bố cục của văn bản?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  GV chuẩn kiến thức: Có thể phân tích văn bản theo hướng tách nhỏ các đoạn văn. Tuy nhiên, chúng ta có thể phân theo bố cục 3 phần để thấy được tính chỉnh thể của văn bản. | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Văn bản thông tin  ***2. Đọc- kể tóm tắt***  ***3. Bố cục:*** 3 phần  - Đoạn 1:từ đầu => *tổn thương của nó:* đặt vấn đề (đời sống của muôn loài trên TĐ và sự cân bằng rất dễ tổn thương của nó)  - Đoạn 2: *Tiếp =>* *đẹp đẽ này:* Nội dung chính (Sự đa dạng của các loài, tính trật tự trong đời sống của muôn loài, vai trò của con người trên TĐ)  - Đoạn 3: *Phần còn lại* : Kết luận vấn đề): Kết luận vấn đề |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Trong phần mở đầu tác giả đã dẫn vào bài bằng cách nào? Cách vào bài này theo em có tác dụng gì?*  *+ Vấn đề tác giả đặt ra trong phần này là gì? Theo em, đây có phải là vấn đề đáng quan tâm hiện nay không? Vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Tác giả đã kể lại cuộc hội thoại ngắn giữa hai nhân vật trong bộ phim hoạt hình nổi tiếng Vua sư tử để noi về vấn đề mà tác giả muốn đề cập 🡪 đời sống của muôn loài trên TĐ và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó.  => Các vào bài này khiến cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, lôi cuốn, vì phim này đã được nhiều người biết tới.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  *+ Hãy tìm những dẫn chứng trong đoạn (2) để thể hiện sự phong phú của các loài trên TĐ?*  *+ Sự chênh lệch giữa số lượng loài sinh vật tồn tại trên thực tế và con số về số lượng loài đã đã nhận biết nói với chúng ta điều gì?*  GV đặt tiếp câu hỏi tìm hỏi đoạn (3)  Hãy quan sát ảnh minh hoạ và dựa vào việc quan sát thực tế của em, hãy cho biết:  *+ Kể về một du lịch sinh thái hay khu bảo tồn thiên nhiên mà em biết. Ở đó em thấy các loài sinh vật nào và chúng sống với nhau ra sao?*  *Từ đó em hiểu gì về quần xã sinh vật?*  *+ Số lượng các loài ở mỗi quần xã có giống nhau không? Chúng phụ thuộc vào điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Dẫn chứng:1.400.000 loài, hơn 300.000 loài thực vật và 1.000.000 loài động vật.  🡪 sinh vật đa dạng và phong phú  + Các loài sinh vật vật cùng chung sống với nhau rất đông đúc, chúng ảnh hưởng và tác động đến nhau.  + Sự đa dạng ở mõi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố : sự cạnh tranh giữa các loài, mối quan hệ con mồi – vật ăn thịt, mức độ thay đổi các yếu tố vật lí – hoá học của môi trường…  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS đọc đoạn (5) và đặt câu hỏi :**  *+ Em hiểu thế nào về tính trật tự? “Trật tự” có đồng nghĩa với “ổn định” không?*  *+ Tính trật tự trong đời sống của muôn loài được biểu hiện như thế nào? Mục đích của sự trật tự này?*  *+ Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ trong quần xã sinh vật thì điều gì sẽ xảy ra*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Tính trật tự có thể được hiểu là sự sắp xếp theo một thứ tự, một quy tắc nhất định, có tổ chức, có kỉ luật trong một tập thể, tổ chức nào đó. Trật tự có thể hiểu là tình trạng ổn định.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **-** GV bổ sung: Như vậy, mỗi quần xã sẽ tìm cách tự cân bằng chính nó  **NV4**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc tiếp đoạn (7) trong văn bản và trả lời câu hỏi:  *+ Những bước tiến vượt bậc của nhân loại có ảnh hưởng đến cuộc sống của muôn loài không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Con người có nhiều sáng tạo vô tận và xã hội loài người ngày càng phát triển phức tạp, tác động nhiều tới môi trường tự nhiên.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV5**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  **+** *Đoạn văn thứ (8) đã đề cập đến vấn đề gì ?*  *+ Theo em, cách mở đầu và kết thúc của văn bản có gì đặc sắc ?*  *+ Nếu bỏ đi đoạn mở và đoạn kết, chất lượng của VB thông tin này sẽ bị ảnh hưởng như thế nào ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Mở bài và kết bài đều nhắc đến câu thoại của nhân vật Vua sư tử Mu-pha-sa trong phim hoạt hình Vua sư tử.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV6**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Văn bản có ý nghĩa gì ?**Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Đọc- Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Đặt vấn đề***  - Đời sống của muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó.  🡪 Là một vấn đề cấp thiết trong hoàn cảnh hiện nay khi con người đang can thiệp ngày càng nhiều vào thiên nhiên.  ***2. Thông tin chính của văn bản***  *a. Sự đa dạng của các loài*  - Các loài sinh vật trên TĐ rất đa dạng, phong phú.  - Con người chưa khám phá hết số lượng các loài trên TĐ.  - Giữa các loài có sự phụ thuộc lẫn nhau.  - Mỗi quần xã giống như một thế giới riêng, trong đó các loài cùng chung sống với số lượng cá thể khác nhau.  - Sự đa dạng ở mõi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố.  *b. Tính trật tự trong đời sống của muôn loài*  - Biểu hiện :  + Tính trật tự thể hiện ở số lượng các loài trong một quần xã : loài ưu thế, loài chủ chốt, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài đặc trưng…  + Sự phân bố các loài trong không gian sống chung : theo chiều thẳng đứng, chiều ngang  🡪 nhằm giảm bớt sự cạnh tranh giữa các loài và giúp từng loài sử dụng nguồn sống của môi trường hiệu quả nhất.  - Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ thì sự cân bằng trong đời sống của các loài trong một quần xã lập tức bị phá vỡ.  *c. Vai trò của con người trên TĐ*  - Con người cho rằng mình là chúa tể của thế giới, đã tuỳ ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hoá gây dựng  🡪 đời sống muôn loài bị xáo trộn, phá vỡ, chịu tác động xấu từ con người.  ***3. Kết thúc vấn đề :***  - Con người cần hiểu và có cách ứng xử đúng đắn với muôn loài trên TĐ.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  \* *Nội dung*: Văn bản đề cập đến vấn đề sự đa dạng của các loài vật trên TĐ và trật tự trong đời sống muôn loài.  \* Ý nghĩa : VB đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài, để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên TĐ.  **b. Nghệ thuật**  - Số liệu dẫn chứng phù hợp, cụ thể, lập luận rõ ràng, logic có tính thuyết phục.  - Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho VB. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS: Qua văn bản, theo em, con người có thể làm gì để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?*

GV sử dụng Slide trình chiếu một số hình ảnh về những tác động của con người đến môi trường: phá rừng, săn bắt động vật hoang dã....

GV gợi ý: HS thảo luận theo nhóm và chỉ ra: những can thiệp tiêu cực của con người và những nỗ lực duy trì, phát triển sự sống đa dạng trên TĐ. Yêu cầu HS đưa ra những dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ vấn đề

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: ***Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài luôn cần thiết cho nhau.***

GV đưa ra hướng dẫn: nhấn mạnh ý “chung sống” và đề cao trách nhiệm của con người với vấn đề này,

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 121**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay.

- HS hình thành được nguyên tắc ứng xử thích hợp đối với việc mượn từ, sử dụng từ mượn trong nói, viết và rộng ra là trong giao tiếp xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản.

- Năng lực nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: Ở các cửa hàng thời trang, người ta thường sử dụng vật dụng gì để trưng bày quần áo? Ngoài những tên gọi trên, chúng ta còn dùng tiếng nước ngoài để gọi tên chúng? Em hãy chỉ ra các tên gọi đó?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV dẫn dắt vào bài | HS trả lời: ma-nơ-canh |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Hiện tượng vay mượn từ, từ mượn và việc sử dụng từ mượn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định các từ mượn và nguồn gốc của từ mượn.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào nội dung SHS, hãy cho biết: *Từ mượn là gì? Từ mượn có nguồn gốc từ đâu?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Từ mượn**  - Từ mượn là từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác.  - Từ vay mượn tiếng Hán  - Từ mượn ngôn ngữ châu Âu được việt hoá gần như hoàn toàn: cà phê, cà vạt, săm, lốp  - Từ mượn được viết nguyên dạng hoặc viết tách từng âm tiết, giữa các âm có gạch nối  - Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  GV hướng dẫn HS làm lần lượt từng ý.  GV lưu ý HS rằng nhiều yếu tố HáN ViỆt có khả năng hoạt động rất cao, thường được dùng để tạo ra những từ ghép mới.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS làm bài tập 2.**  GV hướng dẫn HS thảo luận, nêu nhận xét về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ bài 3.  - GV hướng dẫn HS làm bài: lựa chọn những từ ngữ trong tiếng Việt có khả năng thay thế cho những từ mượn không cần thiết trong câu văn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bổ sung: Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe, gười đọc và không làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. | **II. Luyện tập**  **Bài 1/trang 86**  a. Các từ vay mượn tiếng Hán: kế hoạch, công nghiệp, băng, không khí, ô nhiễm. Các từ này có cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt, có tính chất khái quát về nghĩa.  Các từ vay mượn tiếng Anh: ô-dôn. Từ có gạch nối giữa các âm tiết.  b. Từ ô-dôn tạo cảm giác về từ mượn rõ nhất. Vì đây là một thuật ngữ khoa học, có cấu tạo và hình thức chính tả khác biệt.  c.  - Không: không trung (khoảng không gian trên cao), không gian (là khoảng không mở rộng theo ba chiều cao, dài, rộng), không quân (một quân chủng hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời quốc gia)  - nhiễm: lây nhiễm (chỉ sự truyền lan của bệnh hoặc thói xấu nào đó), truyền nhiễm (lây lan của dịch bệnh), nhiễm khuẩn (chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể)  **Bài 2/ trang 86**  - Vốn từ tiếng Việt giàu có và phức tạp, gồm nhiều từ được mượn ở những ngôn ngữ khác.  **Bài 3/ trang 87**  Có thể diễn đạt lại:  ***Người hâm mộ*** thực sự phấn khích, hân hoan khi thấy ***thần tượng*** của mình xuất hiện trên cửa chiếc chuyên cơ vừa đáp xuống ***sân bay***. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* làm thêm 1 số bài tập

**Bài tập 1**

Đọc câu văn sau đây và phân tích cách dùng từ mượn của tác giả:

*Có một nhịp điệu chung trong quá trình tiến hoá của các loài, mà sự sinh sôi mạnh mẽ hay suy giảm số lượng của loài này dẫn đến sự phát triển theo hướng nhiều thêm hay bớt đi tương ứng của loài kia.*

*(Ngọc Phú,* trích *Các loài chung sống với nhau như thế nào?)*

**Bài tập 2**

Viết một đoạn tin nhắn đăng kí mua hàng qua mạng có sử dụng từ mượn thích hợp.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 122**

**VĂN BẢN 3. TRÁI ĐẤT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được nét khác biệt giữa Vb văn học với Vb thông tin, ngay cả khi chúng cùng hướng với một chủ đề.

- HS nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh có được những phẩm chất tốt đẹp: ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái Đất – ngôi nhà chung của tất cả chúng ta.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *+* GV đặt câu hỏi khơi gợi vấn đề bằng các câu hỏi: *Em đã từng biết những cách ví von nào về Trái Đất? Vì sao có những điểm khác nhau trong cách nhìn về cùng một đối tượng? Riêng em, em thích hình ảnh so sánh nào?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá. | - HS chia sẻ những hiểu biết của mình: Trái Đất là người bạn, là mẹ hiền…. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả qua phần sau khi đọc.  *-* GV hướng dẫn cách đọc: chú ý giọng đọc thích hợp: có đau xót, phẫn nộ, có thương xót, dịu dàng.  Để lột tả được những tình cảm chứa đựng trong bài thơ, cần chú ý đến hệ thống đại từ nhân xưng đã được sử dụng.  - GV đọc mẫu và gọi 1-2 HS đọc lại.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả - tác phẩm***  ***2. Đọc***  ***3. Bố cục***  - Khổ 1:  - Khổ 2***:*** |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Những cách hành xử nào đối với TĐ được nhắc tới trong khổ thơ? Chúng có điểm gì chung với nhau?*  *+ Thái độ của tác giả đối với chúng là gì? Vì sao em có thể nhận ra thái độ ấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Các hành xử với TĐ được nhắc tới: xem TĐ là quả dưa, bổ cắn thành muôn mảnh; xem TĐ là quả bóng để giành giật, lao vào, đá đá.  + Điểm chung: đều đối xử rất thô bạo, tàn nhẫn với TĐ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Nhà thơ đã hình dung ra TĐ như thế nào? đối xử và xưng hô ra sao với Trái Đất?*  *+ Nhắc đến nước mắt và máu, nhà thơ muốn nói lên tình trạng gì của Trái Đất?*  *+ Từ đó, rút ra nhận xét về thái độ của nhà thơ với TĐ*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Có thể có nhiều lí do:  + Nhà thơ gọi TĐ là “người”, hình dung ra TĐ với khuôn mặt thân thương, có những giọt nước mắt và vết thương đầy mình.  + Tác giả đã an ủi, cất tiếng hát xoa dịu nỗi đau  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Hãy chỉ ra sự khác nhau giữa cách hình dung về TĐ và thái độ cư xử của TĐ ở hai khổ thơ*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Có sự đối lập trong cách hình dung và thái độ cư xử với TĐ ở hai khổ thơ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV4**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Tóm tắt nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Khổ 1**  **-** Cách nhìn nhận về TĐ: quả dưa, quả bóng  - Cách đối xử với TĐ: bổ, cắn, giành giật, đá  🡪 Con người đã nhìn nhận TĐ như một vật sỏ hữu vô tri vô giác và cư xử một cách bạo ngược, ngu dốt  ***2. Khổ 2:***  - Xưng hô với TĐ là “người”: thể hiện thái độ trân trọng  - Hình dung về TĐ: gương mặt thân thương, giọt nước mắt rơi và máu chảy.  - Biện pháp nghệ thuật hoán dụ: nước mắt – tượng trưng cho những nỗi buồn, máu – tượng trưng cho những đau đớn, tổn thương mà TĐ phải chịu đựng, trải qua.  - Hành động của tác giả: an ủi, cảm thông, chia sẻ.  🡪 Tác giả đã cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu, đồng cảm với người bạn Trái Đất.  - Sự đối lập giữa hai khổ thơ đã phản ánh cách cư xử của loài người với chính hành tinh nơi mình sinh sống.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  - Nội dung: Bài thơ nói về cách hình dung về TĐ và thái độ cư xử với TĐ của con người.  - Nhắn nhủ con người cần nhìn nhận, cư xử với TĐ như những người bạn  ***2. Nghệ thuật***  - Nghệ thuật so sánh, nhân hoá đặc sắc, giọng điệu cảm thông, thương xót, ngôn ngữ giản dị mà thấm thía, sâu sắc.  - Sự đối lập giữa hai khổ thơ đã làm nổi bật chủ đề, nói lên thông điệp của tác giả muốn gửi gắm. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

1. Điểm chung về nội dung: sự lo lắng, xót xa, ưu tư về tình trạng hiện thời của TĐ, đều khẳng định sự cần thiết của việc chung tay bả vệ sự sóng trên TĐ.

2. Điểm khác của bài thơ: hình tượng độc đáo, tình cảm sâu sắc, liên tưởng so sánh bất ngờ và ý nghĩa triết lí thâm trầm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

*1.* Hãy tìm ra điểm chung về mặt nội dung giữa bài thơ của Gam-da-tốp với hai văn bản ***TĐ – cái nôi của sự sống*** và ***Các loài chung sống với nhau như thế nào?***

# *2*. Cùng đưa ra thông điệp giống nhiều văn bản khác,nhưng bài thơ Trái Đất của Ra-xun Gam-da-tốp vẫn có được sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng. Theo em, những gì đã tạo nên sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng ấy?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thảo luận: Theo em, để lau nước mắt và “rửa sạch máu” cho TĐ, mỗi người chúng ta cần phải làm gì?*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 123+124**

**VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hiểu thế nào là biên bản cuộc họp, thể thức của biên bản, nội dung, tác dụng của biên bản.

- Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của 1 văn bản đơn giản

**2. Năng lực**

- Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách.

**3. Phẩm chất**

- Trung thực, trách nhiệm của bản thân trong việc viết biên bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV** : SGK, SGV, máy chiếu, máy tính, Phiếu học tập.

**2. HS** : **:** đọc biên bản cuộc họp, thể thức của biên bản, nội dung, tác dụng của biên bản.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Biết được cách viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

**b) Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV ? Em đã bao giờ được chọn làm người viết biên bản cho một cuộc họp, cuộc thảo luận chưa?

? Hãy nêu một dẫn chứng cho thấy trong cuộc sống của chúng ta, biên bản đôi khi rất cần thiết?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Suy nghĩ cá nhân

- Trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét câu trả lời của HS

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NV1: TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BIÊN BẢN**

**a) Mục tiêu:**

- HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

- Biết cách viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

**b) Nội dung:**

- GV chia nhóm lớp

- Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập

**c) Sản phẩm**: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **HS: -** Đọc phần *Thể thức của biên bản thông thường:*  GV: Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  ? Từ những gì được trình bày trong phần viết này, hãy nêu lên những tiêu chuẩn mà biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận cần phải đảm bảo?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, nêu lên ý kiến và thống nhất về tiêu chuẩn đối với một biên bản (như đã nêu ở trên).  - Làm việc cá nhân 2’.  - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | **I. Thể thức của biên bản thông thường**  - Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng có nhiệm vụ tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận hay xử lí vụ việc.  - Dưới từ "Biên bản", ghi khái quát vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết hay nội dung của vụ việc cần xử lí, làm thành tên gọi của biên bản.  - Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp, cuộc thảo luận, xử lí vụ việc,...  - Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí.  - Ghi diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lí vụ việc với các nội dung vụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận).  - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lí vụ việc.  - Người chủ trì và thư kí (tùy trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên. |

**NV2: ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**

**a) Mục tiêu:**

- Biết được cách thức viết biên bản .

- Chỉ ra được các phần cần thiết phải có của một biên bản.

**b) Nội dung:**

- HS đọc SGK

- Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **HS:** Đọc biên bản tham khảo.  **GV** chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm:  1. Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ thể thức biên bản trong văn bản trên?  2. Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí?  3. Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả?  4. Vì sao dưới biên bản cần có chữ kí của người chủ trì, người thư kí?  5. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết?  **HS:** Chú ý đối chiếu với những tiêu chuẩn đã xác định trước đó để đánh giá mức độ “đạt chuẩn” của biên bản này.  GV lưu ý HS: Biên bản được đem ra tham khảo ở đây thuộc loại biên bản thông thường. Đối với những biên bản của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội , thể thức của chúng còn được quy định chặt chẽ, phức tạp hơn do phải tuân thủ nghị định của chính phủ về vấn đề này.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | **1. Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ thể thức biên bản trong văn bản trên.**  - Đầu trên biên bản, phía bên phải nghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên đơn vị (Lớp 6C, trường THCS P.H.C).  - Dưới từ biên bản, ghi khái quát nội dung công việc (Bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng "Ngày chủ nhật Xanh”).  - Thời gian, địa điểm diễn ra cuộc họp (11h ngày 13/02/2019, phòng họp lớp 6C).  - Thành phần tham dự, tên người chủ trì, thư kí (Lê Tiến H, Nguyễn Thị Thanh T).  - Diễn biến cuộc họp: Bố trí các bộ phận kiểm tra và triển khai công việc, thảo luận về kế hoạch và kết luận lại các ý kiến.  - Thời gian kết thúc xử lí cuộc họp (11h30 ngày 13/2/2019).  **2. Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí?**  - Biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí vì Biên bản sẽ được lưu lại như một hồ sơ với tính chất quan trọng, cần thiết, lúc cần được đưa ra như một bằng chứng để chứng minh, đánh giá tính xác thực của vấn đề.  **3. Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả?**  - Khi làm biên bản, nội dung cần được gửi chi tiết, cụ thể hơn cả là diễn biến cuộc họp, cuộc thảo luận.  **4. Vì sao cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí?**  - Cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí vì đây là bằng chứng quan trọng chứng minh tính xác thực của biên bản.  **5. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết?**  - Ngôn ngữ của biên bản mang phong cách ngôn ngữ hành chính, ngắn gọn, đơn nghĩa, dễ hiểu, súc tích |

**NV3: THỰC HÀNH VIẾT BIÊN BẢN**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Ghi chép trung thực nội dung, diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận nhằm xây dựng hồ sơ đáng tin cậy về cuộc họp cuộc thảo luận nào đó.

**b) Nội dung:**

**-** GV sử dụng KT để hỏi HS về việc lựa chọn nội dung viết biên bản.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Hình dung những cuộc họp, cuộc thảo luận của lớp, xác định tên gọi biên bản?  ? Thực hành viết biên bản?  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: Đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện biên bản.  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn tên biên bản (nội dung cuộc họp, cuộc thảo luận).  - Viết biên bản theo nội dung đã lựa chọn, chú ý thể thức biên bản đã được quy định.  - Sửa lại biên bản sau khi viết.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: Báo cáo sản phẩm.  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **III. Các bước tiến hành**  **1. Trước khi viết**  - Hình dung lại các cuộc họp. thảo luận cần được ghi biên bản (cuộc họp bàn kế hoạch tổ chức hoạt động; cuộc họp kiểm điểm , tình hình thực hiện một dự án chung của lớp…)  - Xác định tên gọi của biên bản.  **2. Viết biên bản**  - Viết phần mở đầu theo đúng thể thức.  - Viết phần chính của biên bản dựa theo trình tự hợp lý cần có trong cuộc họp, thảo luận với những nội dung cụ thể (có đánh số rõ ràng).  - Viết chi tiết về những nội dung quan trọng của cuộc họp, thảo luận như kế hoạch triển khai, giải pháp dự kiến, phân công công việc…  - Thuật lại đầy đủ các ý kiến đi vào trọng tâm của buổi họp, thảo luận, nhất là những ý kiến có giá trị.  - Viết đầy đủ nội dung kết luận của người chủ trì.  - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, thảo luận và viết đầy đủ họ tên của người có trách nhiệm kí vào biên bản.  **3. Chỉnh sửa biên bản**  Dựa vào phần thể thức của biên bản thông thường để tự kiểm tra và chỉnh sửa:  - Xem xét lại sự phù hợp giữa nội dung biên bản và tên biên bản.  - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của việc ghi chép những vấn đề quan trọng nhất được bàn bạc, triển khai trong cuộc họp, cuộc thảo luận.  - Lược bỏ những ghi chép về các chi tiết không liên quan tới vấn đề chính của cuộc họp, cuộc thảo luận.  - Sửa lại ngôn ngữ diễn đạt nhằm đảm bảo sự chính xác và tính khách quan. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- Kể tên những trường hợp cần viết biên bản?*

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs

**d) Tổ chức thực hiện:**

*? Em hãy viết biên bản sinh hoạt lớp em trong tuần vừa qua?*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TIẾT 125+126**

**TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết cách tóm tắt nội dung của một văn bản đơn giản.

- Năng lực tóm tắt các văn bản bằng sơ đồ khiến kiến thức đơn giản, dễ hiểu, sinh động hơn.

- Năng lực tóm tắt VB phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích luỹ tài liệu và biết tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một VB đơn giản đã đọc.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực tổng hợp, tư duy, hợp tác, tự lập..

**2. Phẩm chất:**

Rèn luyện tính chăm chỉ, cần cù, sáng tạo

**II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. Phương tiện dạy học**

- Máy tính/điện thoại có kết nối internet, máy chiếu, bộ loa.

- Bài soạn (gồm văn bản dạy học để dưới dạng in hoặc dạng điện tử; các hoạt động được thiết kế để tổ chức cho học sinh).

- Một số sơ đồ tóm tắt văn bản

**2. Hình thức tổ chức dạy học**

- Dạy học cá nhân, nhóm, cả lớp;

- HS thuyết trình, giới thiệu, trao đổi thảo luận…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung:**

- GV yêu cầu HS quan sát ảnh sơ đồ tóm tắt, trả lời câu hỏi của GV.

- HS quan sát, sơ đồ tóm tắt bài “Trái đất cái nôi của sự sống” suy nghĩ cá nhân và trả lời.

**c) Sản phẩm:**

HS nêu/trình bày được

- Nội dung của bài học: Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản

- Tri thức ngữ văn (tóm tắt; sơ đồ; nội dung văn bản đơn giản).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chiếu hình ảnh sơ đồ tóm tắt văn bản, yêu cầu HS quan sát & đặt câu hỏi:

? Cho biết nội dung của sơ đồ? Sơ đồ trên gợi cho em những gì?

- Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ HS**

- Quan sát hình ảnh sơ đồ tóm tắt và suy nghĩ cá nhân.

- Đọc phần tri thức Ngữ văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV:**

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BẢN TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN**

**a) Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với bản tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản.

**b) Nội dung:** GV cho HS làm việc tập thể.

**c) Sản phẩm: câu trả lời của HS**

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **HS: -** Đọc phần *Ý nghĩa của việc tóm tắt VB bằng sơ đồ* trong SHS.  ***? Một bản tóm phải như thế nào để có thể được gọi là đạt/tốt?***  ***? Các em đã được biết những cách nào để tóm tắt một văn bản chưa?***  ***? Sau khi tóm tắt một văn bản xong em thấy như thế nào?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS xác định những tiêu chuẩn phải đạt được của một bản tóm tắt bằng sơ đồ trên các phương diện: Tính trực quan; tính lô gic, tính khoa học; tính khái quát; tính thẩm mĩ?  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | **I. Yêu cầu đối với bản tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản.**  - Có thể tóm tắt văn bản bằng cách gạch ý  - Xây dựng thông qua video clip  - Tóm tắt bằng sơ đồ tư duy  - Khi nhìn vào sẽ dễ hiểu hơn  - Hệ thống kiến thức qua sơ đồ giúp học sinh bớt căng thẳng, áp lực |

**2. ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu được cách tóm tắt một văn bản đơn giản.

**b) Nội dung:**

- HS đọc SGK

- Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **HS:** Tự xem lại văn bản *Trái đất* - *cái nôi của sự sống*GV nêu vấn đề thảo luận:  ? *Là người đã đọc, đã học văn bản”Trái đất – cái nôi của sự sống”, em thấy bản tóm tắt này đã phản ánh đúng những gì được cập nhật trong văn bản chưa?*  *? Đối chiếu với các yêu cầu được xác định ở trên, bản tóm tắt đã bộc lộ được những ưu điểm và nhược điểm gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả  GV nhận xét kết quả  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét thái độ làm việc của HS khi làm việc  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  Giáo án bài Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận - Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản | Giáo án Ngữ văn 6 Kết nối tri thức |

**3. TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS tóm tắt được văn bản đơn giản bằng sơ đồ.

**b) Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS về quy trình tóm tắt một văn bản đơn giản bằng sơ đồ.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản. (SGK-91)  *?Vậy trước khi tóm tắt chúng ta cần phải làm gì nhỉ?*  *?Khi tóm tắt quan niệm của vua sư tử Mu – pha – sa về “vòng đời bất tận” (trong đoạn đầu văn bản Các loài chung sống với nhau như thế nào?), em cần thực hiện các bước nào?*  *?Vậy sau khi hệ thống các từ khóa làm thế nào để chúng ta tóm tắt được văn bản bằng sơ đồ?*  *?Sau khi hoàn thành bài của mình chúng ta có cần chỉnh sửa không?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: Đọc theo yêu cầu của GV.  HS: Thực hành tóm tắt bằng một văn bản đơn giản tự lựa chọn.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: Báo cáo sản phẩm.  - Nộp sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **III. Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản**  **1. Trước khi tóm tắt**  - Xác định đúng nội dung cốt lõi của văn bản và hệ thống ý triển khai nội dung.  - Lựa chọn từ khóa phản ánh nội dung cốt lõi và các ý triển khai đã xác định được.  - Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa  (2)  - B1: Xác định nội dung cốt lõi của đoạn văn: những mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau giữa các loài trong cuộc sống, tạo thành một “vòng đời bất tận”.  - B2: Xác định các từ khóa: chúng ta, linh dương, chết, cỏ  - B3: Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa: chúng ta ăn linh dương; chúng ta chết; chúng ta trở về với cỏ; linh dương ăn cỏ.  **2. Tóm tắt**  - Vẽ các hình cụ thể chứa các từ khóa  - Sắp xếp các hình (chứa từ khóa) theo trật từ thích hợp.  - Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khóa) với nhau.  **3. Chỉnh sửa**  ***-*** Kiểm tra xem sơ đồ đã phản ánh đúng cách hiểu của bản thân về nội dung văn bản chưa.  - Xóa hay chỉnh sửa những chi tiết khiến người đọc sơ đồ có thể hiểu sai lệch điều bản thân muốn thể hiện hay chia sẻ về nội dung văn bản.  - Xem xét chính xác, phù hợp của việc xếp đặt vị trí các hình và việc thiết lập đường nối giữa chúng |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 127+128**

**NÓI VÀ NGHE: THẢO LUẬN VỀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NẠN**

**Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS đề xuất giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, trên tinh thần mong muốn chất lượng cuộc sống của chính bản thân và của cả cộng đồng phải được cải thiện.

- HS biết cách tham gia thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến hay đề xuất của người khác trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh, video về ô nhiễm môi trường

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đạt câu hỏi gợi mở: *tại địa phương nơi em đang sinh sống có xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường ở đâu không? Nêu hiện trạng cụ thể?Em đã đề ra các giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm đó và góp ý cho chính quyền, người dân khu vực chưa?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  *GV dẫn dắt vài bài* | HS có thể nêu hiện trạng ô nhiễm: nước sông ô nhiễm, rác thải vứt bừa bãi,….. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe.  - GV đặt câu hỏi thảo luận: Khi tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, điều chúng ta cần hướng đến là gì? Ai là người sẽ nghe ta trình bày ý kiến hay nêu đề xuất?  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận, trả lời các câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Chuẩn bị bài nói**  **a. Xác định mục đích nói và người nghe**  - Mục đích: chia sẻ mối quan tâm chug về giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.  - Người nghe: thầy cô, bạn bè, người quan tâm đến vấn đề môi trường.  **b. Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện** |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày bài nói.  Gv quan sát hoạt động thảo luận của HS, kịp thời đưa ra những gợi dẫn và định hướng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Trình bày bài nói**  - Cần tuân thủ theo các yêu cầu chung: nội dung, ngữ điệu, sử dụng từ ngữ, tương tác với người nghe, thời gian nói.  - Về mặt nội dung cần chú ý:  + Mở đầu  + Triển khai  + Kết luận |

**Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS xem kĩ bảng yêu cầu trong SHS để nắm được những đòi hỏi cơ bản với người nghe, người nói, trước khi thực hiện việc trao đổi ý kiến  - Sau mỗi lượt HS trình bày về vấn đề khắc phục ô nhiễm. Người nghe sẽ trao đổi lại ý kiến, đề xuất.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Trao đổi về bài nói**  Nhận xét, đánh giá theo yêu cầu của bài nói |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS vận dụng, đưa ra những giải pháp khắc phục ô nhiễm

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* Rút kinh nghiệm:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................

Người soạn Người duyệt